

NGUYỄN QUANG HƯNG\*

## TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT CỦA CÁ NHÂN

**Tóm tắt:** Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, đa tôn giáo đang trở thành một xu thế khó cưỡng nổi. Tuy dù càng lùi sâu về lịch sử, con người càng sùng tín tôn giáo, càng cần đến tôn giáo, người cổ xưa cần tôn giáo hơn người hiện đại, nhưng cả trong lịch sử và hiện tại, con người không thể thiếu vắng tôn giáo trong đời sống cá nhân, cũng như cộng đồng. Tôn giáo và đời sống cá nhân thể hiện rõ qua sự hiện diện của tôn giáo trong các sự kiện vòng đời, trong đời sống thường nhật cũng như trong việc xây dựng và hình thành nhân cách. Bài viết tập trung làm rõ sự hiện diện của tôn giáo trong đời sống thường nhật của người Việt vốn có tâm thức đa thần giáo, trong đó nổi bật là sự dung thông của Khổng giáo, Phật giáo, các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa trong cuộc sống hàng ngày của họ, liên quan tới những khía cạnh như lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính, ...

**Từ khóa:** Đời sống tôn giáo, đời sống thường nhật, đời sống cá nhân, người Việt

### Dẫn nhập

Tôn giáo, tín ngưỡng trong cuộc sống thường nhật của người Việt cũng đã đề cập trong một số công trình nghiên cứu, xếp theo trình tự thời gian, chẳng hạn như Phan Kế Bính (1915), L. Cadière (1955), hay Toan Ánh (1990), Cadière Leopold (xuất bản lần đầu tiên 1955, tái bản 2010), Nguyễn Văn Huyền (2017), Nguyễn Quang Hưng (2016),... Nhiều khía cạnh khác nhau trong đời sống tôn giáo thường nhật của người Việt cũng đã được phân tích. Bên cạnh đó, những khía cạnh về giới, lứa tuổi, nghề nghiệp cũng ảnh hưởng lớn tới đời sống

\* Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bài viết là một phần sản phẩm của Đề tài “Tôn giáo, tín ngưỡng và đời sống cá nhân: Phát huy vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng trong giáo dục đạo đức, hình thành nhân cách và lối sống người Việt Nam hiện nay” của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED), Mã số: 603.05.2021.01.

Ngày nhận bài: 03/12/2024; Ngày biên tập: 05/12/2024; Duyệt đăng: 15/01/2025.

tôn giáo thường nhật của các cá nhân cũng như cộng đồng đã bắt đầu được quan tâm nghiên cứu từ góc độ Tâm lý học, Xã hội học.

Tôn giáo, tín ngưỡng thực sự là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người trong suốt chiều dài lịch sử. Cả ở khía cạnh cá nhân cũng như cộng đồng, con người không thể sống thiếu tôn giáo. Tôn giáo trong đời sống cá nhân thể hiện ở nhiều chiều kích: hiện diện trong các sự kiện vòng đời của con người (sinh thành, trưởng thành, lập nghiệp, hôn lễ, tang ma, v.v.), trong cuộc sống thường nhật cũng như trong việc hình thành nhân cách của các cá nhân.

Mối quan hệ giữa tôn giáo và đời sống thường nhật cũng tùy thuộc vào từng tôn giáo và vùng văn hóa. Bên cạnh đó, tôn giáo trong đời sống thường nhật thể hiện ở nhiều khía cạnh như về giới, lứa tuổi cũng như nghề nghiệp. Đó là cả một chủ đề lớn và bài viết tập trung làm rõ một khía cạnh của mối liên hệ trên, cụ thể vai trò của tôn giáo trong đời sống thường nhật của cá nhân nói chung với một số minh chứng ở người Việt truyền thống, nhằm làm rõ vấn đề người Việt trong cuộc sống thường nhật cần tới tôn giáo ở mức độ nào. Bài viết không có tham vọng đem lại một nghiên cứu thấu đáo về vấn đề rộng lớn này, mà chỉ muốn đem lại một cái nhìn đại thể về tôn giáo, tín ngưỡng trong cuộc sống thường nhật của người Việt vốn có tâm thức đa thần giáo, từ đó, đi sâu vào từng khía cạnh, giúp cho nhìn vấn đề bao quát và đầy đủ hơn. Dĩ nhiên, điều này còn tùy thuộc vào từng nhóm cá nhân cụ thể, nghề nghiệp, giới, lứa tuổi, v.v. Ở đây chỉ xin điểm những nét chung có tính gợi mở vấn đề để phục vụ cho những nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này.

### **1. Một số vấn đề chung về tôn giáo trong cuộc sống hàng ngày hiện nay**

Tôn giáo không chỉ là nhu cầu tinh thần, mà còn ở các mức khác nhau tùy thuộc vào mỗi tôn giáo, chi phối hành vi trong đời sống hàng ngày của con người. Với người Kitô hữu, người Hindu, người Muslim cũng như tín đồ của nhiều tôn giáo khác, việc cầu nguyện, sinh hoạt cá nhân trở thành công việc thường ngày hoặc thường tuần. Chẳng hạn, tín đồ Islam theo quy định thì hằng ngày phải cầu nguyện năm lần vào những khung giờ nhất định: buổi sáng sớm vào lúc rạng đông, buổi trưa vào giờ ngọ, buổi sau giờ trưa, buổi tối lúc mặt trời lặn và buổi nửa đêm trước khi đi ngủ. Khi cầu nguyện phải giữ cho thân thể sạch sẽ, hướng về phía thánh địa Mecca. Đó là chưa kể tới những ngày lễ

trọng như tháng Lễ Ramadan, tháng hành hương, v.v. Người Kitô hữu cũng phải duy trì sinh hoạt tôn giáo hằng tuần vào ngày Chúa Nhật, ngoài ra là các dịp lễ trong như Lễ Giáng sinh, Phục sinh, ngũ tuần, ngày Đức Mẹ lên trời, v.v. Có một thực tế rằng, không nhiều Kitô hữu ở Việt Nam tích cực tham gia vào các tổ chức, đoàn thể xã hội. Điều này có lý do của nó bởi bên phía Giáo hội Công giáo, cộng đồng Kitô hữu cũng có những tổ chức tương tự, song hành<sup>1</sup>. Tương tự, người Hindu cũng có cách sinh hoạt tôn giáo riêng. Chúng ta quá quen thuộc với cảnh hàng ngàn người Hindu từ khắp mọi miền của Ấn Độ, vượt xa cả ngàn cây số, hành hương, tắm tập thể, dìu người dưới dòng nước sông Hằng linh thiêng với niềm tin sẽ được tẩy rửa mọi u uế trong cơ thể và gột rửa mọi tội lỗi uẩn khuất trong đời sống cá nhân hàng ngày. Tắm nước sông Hằng cũng là một hình thức để con người ta sám hối với Đấng tối cao, xả stress, gạt sang một bên những ưu tư trong cuộc sống thường ngày. Cả khi sống và khi qua đời, được thả mình trong dòng nước sông Hằng là niềm mong ước hàng ngày của người Hindu<sup>2</sup>. Nói chung, mỗi tôn giáo đáp ứng những nhu cầu khác nhau của đời sống cá nhân. Do vậy, chức năng quan trọng nhất của tôn giáo là đáp ứng nhu cầu tâm linh, nhu cầu tinh thần của con người cả ở chiều kích cá nhân và cộng đồng.

Càng quay trở về các giai đoạn lịch sử trước đây, ta càng thấy sự hiện diện dày đặc của tôn giáo trong đời sống của mỗi cá nhân cũng như các cộng đồng tộc người. Tâm thức của người nguyên thủy không thể thiếu vắng tôn giáo. Người nguyên thủy có quá ít lựa chọn hoạt động của mình. Người Indian da đỏ ở châu Mỹ luôn tin rằng họ sống trong một thế giới thần linh. Khi săn được con thú, không tin rằng tự thân họ có thể làm được điều đó, mà phải nhờ tới sự phù trợ của thần linh, của thế giới siêu nhiên. Hôm nào đi săn thất bại là bởi vì không được may mắn, không được thần linh phù trợ. Họ không thể sống thiếu tôn giáo, và với họ tôn giáo thực sự là một nhu cầu tinh thần tựa như cơm ăn thức uống hàng ngày.

Có một xu thế khá rõ ràng, vai trò của tôn giáo đối với người hiện đại trong chiều kích cá nhân dường như đang có chiều hướng suy giảm. Người hiện đại bên cạnh việc phải bận tâm nhiều cho những hoạt động mưu sinh, còn có quá nhiều lựa chọn hoạt động của mình và trong đó sinh hoạt, nhu cầu tìm đến và thực hành niềm tin tôn giáo chỉ là một thị phần trong số đó. Bên cạnh đó, người ta có nhiều mối quan hệ cũng như các loại hình hoạt động khác mang tính thế tục hoặc

không nhất thiết phải gắn với hoạt động tôn giáo như thể thao, học hành, vui thú bạn bè, công việc ở công sở, du lịch,... phục vụ cho việc mưu sinh cũng như nhu cầu cá nhân thuần túy thể tục hoặc bản thể tục. Thời gian, thị phần cho các sinh hoạt tôn giáo có xu hướng bị thu hẹp lại. Trong cái gọi là “thị trường” nhu cầu ngày càng gia tăng của người hiện đại, thì tôn giáo chỉ là một trong số đó. Không ít người cảm thấy họ trong cuộc sống hàng ngày ít có nhu cầu tới tôn giáo và các con số thống kê cho thấy con số những người tự coi mình là “vô thần” tuy vẫn chỉ là một bộ phận khiêm tốn, nhưng có chiều hướng ngày càng gia tăng trong cái bối cảnh thể tục hóa vẫn đang là một xu hướng của xã hội hiện đại<sup>3</sup>.

Xuất phát từ thực tế này, không ít người tỏ vẻ hoài nghi liệu tôn giáo có thể biến mất một ngày nào đó hay không?. Peter Berger (1929-2017), nhà xã hội học tôn giáo người Mỹ gốc Áo theo chủ nghĩa thể tục (secularism), và ông từng là một trong những tác giả của lý thuyết “thế giới thoát ra khỏi tôn giáo”, cổ vũ xu thế thể tục hóa trong xã hội hiện đại, với lập luận rằng con người càng văn minh bao nhiêu thì thị phần tôn giáo trong các hoạt động cá nhân và cộng đồng càng suy giảm bấy nhiêu, nhường chỗ cho các thị phần hoạt động khác thuần túy thể tục. Cứ như vậy, một ngày nào đó sẽ không còn tôn giáo hoặc tôn giáo không còn đóng vai trò đáng kể trong đời sống của nhân loại cả theo chiều kích cá nhân và cộng đồng<sup>4</sup>.

Nhưng rồi, chính Berger đã phải xét lại quan điểm của mình khi chứng kiến sự trỗi dậy của tôn giáo ở nhiều khu vực trên thế giới từ những thập niên cuối thế kỷ XX [Berger, Peter L, 1996], rằng: “Chúng ta có thể giả định rằng sẽ có một vũ trụ ý nghĩa mang lại ý nghĩa khách quan cho các hoạt động của cả chiến binh, nông dân, thương nhân và thầy trò tà. Điều này không có nghĩa là không có sự xung đột về lợi ích giữa các loại tác nhân này. Ngay cả trong cái vũ trụ ý nghĩa chung ấy, các thầy trò tà vẫn có thể đụng phải vấn đề làm sao “giải thích” được một số hoạt động của mình cho các chiến binh, v.v. Một lần nữa, các phương pháp chính đáng hóa như vậy thường rất đa dạng trong lịch sử [vấn đề này có liên quan đến vấn đề ý thức hệ-TG]” [Berger P. và Thomas Luckmann, 2015: 127]. Berger thừa nhận rằng xã hội hiện đại tồn tại cả sự thể tục và tôn giáo một cách song hành, tuy dù hướng tới những hệ giá trị khác biệt, thậm chí đối lập nhau. Có thể thấy, “trong xã hội đương đại, chúng ta vẫn tiếp tục thấy có những xung đột tương tự (về mặt kinh tế-xã hội cũng như về mặt tri nhận)

giữa nền y học chính thống với những đối thủ cạnh tranh của nó như phép chữa bệnh bằng cách nắn bóp xương khớp, phép chữa bệnh bằng vi lượng đồng căn hay tín ngưỡng khoa học Cơ đốc [tín ngưỡng của giáo phái Christian Science hay the Church of Christ/Scientist ra đời ở Mỹ cuối thế kỷ 19 tin rằng người ta có thể chữa lành bệnh chỉ bằng cách đọc kinh cầu nguyện] (...) Vị lương y chuyên nắn xương có một góc nhìn về xã hội khác với vị giáo sư trường y khoa (...) Mỗi nhân quan, cùng với bất cứ bộ phận lý thuyết bổ sung nào hay kể cả các Weltanschauungen/thế giới quan của nó đều có liên quan tới các lợi ích xã hội cụ thể của nhóm người có nhân quan này” [Berger P. và Thomas Luckmann, 2015: 129].

Theo Berger, xã hội hiện đại phần lớn mang tính đa nguyên, trong khi mỗi tôn giáo đều có khuynh hướng giữ gìn bản sắc riêng của mình, của cộng đồng mình. Bởi, “việc đào tạo tôn giáo trong một hoàn cảnh đa nguyên sẽ đặt ra nhu cầu phải có những kỹ thuật “nhân tạo” nhằm gia tăng sắc thái của thực tại – đây vốn là chuyện không cần thiết trong một hoàn cảnh mà sự độc tôn tôn giáo đang thống trị. Việc trở thành một linh mục Công giáo ở Roma vẫn còn là một chuyện “tự nhiên”, trong khi ở Mỹ thì lại không như thế. Do đó các đại chủng viện thần học ở Mỹ luôn phải đối phó với vấn đề “trượt ra khỏi thực tại” và phải tạo ra những kỹ thuật để làm cho thực tại này có thể “đứng vững”. Không có gì đáng ngạc nhiên khi họ đã tìm ra kẻ sách hiển nhiên là đưa các sinh viên có triển vọng nhất của mình đến Roma sống một thời gian” [Berger P. và Thomas Luckmann, 2015: 214].

Berger quả quyết rằng: “Cá nhân sống nhiều năm liền với những người có tôn giáo khác và bị cắt đứt ra khỏi cộng đồng tín đồ đồng đạo của mình vẫn có thể tiếp tục tự nhận diện mình, chẳng hạn, là một người Công giáo. Thông qua việc cầu nguyện, việc tiến hành những nghi thức tôn giáo và những kỹ thuật tương tự, thực tại Công giáo ngày xưa của anh ta vẫn có thể tiếp tục mang tính chất thiết thân đối với anh ta về mặt chủ quan (...) Tuy nhiên, trên phương diện chủ quan của anh ta, chúng sẽ thiếu cái thực tại “sống động”, trừ phi chúng được “tiếp sức sống mới” bằng cách gặp gỡ những người Công giáo khác” [Berger P. và Thomas Luckmann, 2015: 227].

Theo Berger, phân bác một cái gì đó, theo một nghĩa nào đó, cũng là một cách khẳng định cái đó một cách gián tiếp và “trong lĩnh vực

thần học, chính phương sách [triệt tiêu] này đã chứng minh rằng ma quỷ [cũng] làm vinh danh Thượng đế ngoài ý muốn [của chúng], rằng mọi sự hoài nghi [đối với Thượng đế] đều chỉ là sự dối lòng một cách vô thức, và ngay cả kẻ vô thần *thực ra* cũng là một tín đồ” [Berger P. và Thomas Luckmann, 2015: 172]. Quan niệm này cho thấy một xu thế của không ít các nhà nghiên cứu coi chủ nghĩa vô thần cũng là một dạng “tôn giáo” bởi đó đều dựa trên niềm tin. Việc sử dụng cách gọi “tính tôn giáo của cái phi tôn giáo” (religious non-religion) ngày càng trở thành thông dụng.

Về phương diện cá nhân, một khi thiếu hụt, coi nhẹ niềm tin tôn giáo, một khi cố xúy cho những giá trị vật chất, cố vũ cho cái “văn hóa tiêu dùng” một cách thái quá, thì người ta lại nảy sinh nhiều biến thái hoạt động khác, chưa hẳn làm cho người ta ở chiều kích cá nhân trở nên văn minh hơn hay hạnh phúc hơn. Các vấn nạn tự tử, các biểu hiện tự kỷ, trầm cảm, bế tắc, bị kích, mất niềm tin, khủng hoảng trong đời sống cá nhân, tóm lại, những căn bệnh thuần túy của con người hiện đại mà ông cha, tổ tiên chúng ta trước đây hầu như ít gặp phải, có chiều hướng ngày càng gia tăng. Về phương diện xã hội cũng sẽ gặp phải các tình trạng suy thoái tương tự khi đạo đức xã hội xuống cấp, v.v. Điều đó cũng cho thấy một thực tế rằng, một khi tôn giáo bị suy giảm tới một giới hạn nào đó hay thế tục hóa xã hội được đẩy tới một giới hạn nào đó thì nhân loại lại phải đương đầu với những vấn nạn khác không dễ gì có thể giải quyết. Dường như thế tục hóa cũng có giới hạn của nó. Thực tế cho thấy, nhân loại khó tìm được những phương tiện nào khác bù vào khoảng trống mà sự suy yếu của tôn giáo để lại. Theo Berger, “Xã hội học tôn giáo là một trong những lĩnh vực hết sức bổ ích đối với loại khảo cứu [xã hội học] này (...) Có vẻ như thật không phù hợp khi định vị những ý tưởng về Thượng Đế, vũ trụ và sự vĩnh hằng trong hệ thống xã hội của con người, và kết nối nó vào tất cả tính tương đối của con người trong lịch sử và địa lý (...) Tranh cãi về những khẳng định không chịu ảnh hưởng thời gian của đức tin Kitô giáo là một chuyện, nhưng sẽ là một chuyện khác nếu khảo sát xem những khẳng định này có liên quan như thế nào với những nỗi thất vọng, tham vọng hay những oán giận có thời điểm cụ thể ở những thành phố đa ngôn ngữ của đế chế Roma, nơi những nhà truyền đạo Kitô giáo đầu tiên truyền tải những thông điệp của họ” [Berger L. Peter, 2016: 209-210].

Tiếp nối nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định lượng hóa sinh hoạt tôn giáo đối với đời sống tinh thần trên cả hai chiều kích cá nhân và xã hội, Berger quả quyết: “Có thể lý giải được tính phổ quát của tôn giáo - vốn hoàn toàn không phải là một bằng chứng về tính chân thực siêu hình của nó - dưới góc độ những chức năng xã hội như vậy. Hơn nữa, cũng có thể kiến giải những biến đổi trong mô hình tôn giáo trong tiến trình lịch sử bằng quan điểm và thuật ngữ xã hội học (...) Chẳng hạn tại nhiều nước phương Tây, có một mối tương quan gần như hoàn hảo giữa việc đi lễ nhà thờ với thành phần giai cấp, đến mức hoạt động tôn giáo là một trong những vật mốc nói lên vị thế giai cấp trung lưu, trong khi việc không tham gia hoạt động đó là đặc điểm của giai cấp lao động. Nói cách khác, có vẻ có một mối quan hệ giữa đức tin của người ta ví dụ vào Chúa ba ngôi (...) với thu nhập nhất định thì có vẻ như đức tin đó không còn có lí nữa” [Berger L. Peter, 2016: 210-211].

Đối lập với lý thuyết “thế giới thoát ra khỏi tôn giáo” là lý thuyết “tôn giáo là hạt nhân của văn hóa” được khởi đầu từ M. Weber đầu thế kỷ XX, tiếp tục được Ch. Dawson và P. Tillich phát triển, đạt tới sự hoàn thiện bởi công trình *Sự va chạm giữa các nền văn minh* của S. Huntington. Tác giả bài viết này đã có công trình phân tích một cách chi tiết lý thuyết này [Nguyễn Quang Hưng, 2016], ở đây chỉ xin nêu những nét đại thể. Theo lý thuyết này, quan hệ giữa tôn giáo và văn hóa khá đa dạng. Có văn hóa phi tôn giáo nhưng không có tôn giáo nào lại không thể hiện qua các lễ nghi/phương tiện văn hóa nào đó, cũng như không chuyển tải các giá trị văn hóa nhất định. Tôn giáo thông thường là thành tố của văn hóa. Tuy nhiên, ở một số trường hợp cụ thể sau đây thì tôn giáo thực sự gia tăng vai trò, trở thành bệ đỡ, nền tảng của văn hóa. Tôn giáo bao giờ cũng sinh ra từ một môi trường, văn cảnh nhất định, nhưng rồi trải qua thời gian có khi cả nhiều thế kỷ, nó trưởng thành, tạo ra cái thiết chế văn hóa của riêng mình khác với cái văn hóa mà nó được sinh ra, quy định, chế ước văn hóa đó, thực sự đóng vai trò là bệ đỡ, nền tảng nền văn hóa đó. Thứ nhất, một số các tôn giáo trên thế giới điển hình là hạt nhân của các nền văn hóa lớn, như Kitô giáo và văn hóa phương Tây, Hindu và văn hóa Ấn Độ, Khổng giáo và văn hóa Trung Hoa, Chính thống giáo và văn hóa Nga và điển hình nhất là Islam và văn hóa Ả rập. Điểm chung, đó đều là các nền văn hóa lớn, đa quốc gia, nhưng đều dựa trên một văn hóa chủ lưu. Thiếu bệ đỡ của các tôn giáo chủ lưu đó thì các nền văn hóa trên chỉ còn là cái xác vô hồn, thiếu sinh khí. Thứ hai,

riêng đối với Phật giáo thì tùy từng trường hợp cụ thể. Phật giáo Đại thừa (Mahayana Buddhism) không đóng được vai trò đó, mà chỉ là thành tố đối với văn hóa Trung Hoa. Nhưng Phật giáo Tiểu thừa (Theravada Buddhism) có vai trò nền tảng của các văn hóa Thái, Khmer, Myanmar, Sri Lanka hay Phật giáo Tây Tạng đối với văn hóa Tây Tạng và văn hóa Mông Cổ. Thứ ba, văn hóa của một số quốc gia dựa trên bệ đỡ của tôn giáo dân tộc, chẳng hạn như Do thái giáo và văn hóa Do thái. Liệu Shinto có đóng vai trò như vậy đối với văn hóa Nhật Bản hay Anh giáo đối với văn hóa Anh là điều cần tiếp tục làm rõ. Thứ tư, là văn hóa của một số tộc người còn mang nặng tâm thức tôn giáo nguyên thủy thì trong những trường hợp này, tôn giáo, tín ngưỡng của tộc người đó thực sự cũng là bệ đỡ tinh thần, nền tảng của văn hóa tộc người đó.

Dawson nhấn mạnh, ngay từ thời thượng cổ, khi con người chưa trở thành người sản xuất thì đã có những hoạt động văn hóa và tôn giáo rồi. Ông lấy dẫn chứng những sản phẩm văn hóa của một số tộc người nguyên thủy. Ở đây, văn hóa được hiểu như toàn bộ quá trình hoạt động của con người, là phương thức sống của con người cả về phương diện vật chất và tinh thần. “Chúng ta thấy ở đó [kỷ băng hà - NQH] rằng con người ta sản xuất ra đời sống tinh thần trước khi làm ra của cải vật chất và rằng không hề có một mối liên hệ tất yếu nào cả [nghĩa là mối liên hệ này có thể có nhưng không nhất thiết - NQH] giữa sự phát triển kinh tế với các giá trị tinh thần của một nền văn hóa” [Christopher Dawson, 1951: 179].

Và khi nói tới các giá trị tinh thần của một nền văn hóa, đương nhiên chúng ta phải đề cập tới tôn giáo. Điều đó càng đúng với những giai đoạn cổ xưa của nhân loại. Khó có thể phân biệt các tôn giáo nguyên thủy với các thuật bói toán, ma thuật, phù thủy, các tập tục văn hóa và tín ngưỡng của người nguyên thủy. Hoạt động của con người khác với của các loài động vật chính là ở chỗ hoạt động con người mang bản chất văn hóa và tôn giáo. Đương nhiên, người ta cũng có thể coi con người khác với các loài động vật ở chỗ con người biết tạo ra các công cụ lao động. Nhưng những công cụ lao động này không chỉ bao gồm những lao động sản xuất của cải vật chất mà còn gồm cả những hoạt động văn hóa và tinh thần và khó có thể khẳng định giữa hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần thì cái nào có trước, cái nào có sau một cách tách bạch bởi hoạt động con người là một thể thống nhất. Con người là một động vật biết suy nghĩ, một động vật xã hội.

Trong lịch sử nhân loại không có nền văn hóa nào, nói theo nghĩa rộng nhất của từ này, tách biệt với tôn giáo và điều này không hoàn toàn chỉ phụ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội. Mối quan hệ giữa văn hóa và tôn giáo có liên quan chặt chẽ với điều kiện phát triển kinh tế, nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào việc sản xuất của cải vật chất. Dawson quả quyết về khả năng có sự kết hợp, bổ trợ lẫn nhau giữa khoa học và tôn giáo. Nhân loại cần cả khoa học và tôn giáo như một sự bổ trợ lẫn nhau. Theo Christopher Dawson, "toàn bộ lịch sử của văn hóa cho thấy rằng, con người trong trạng thái tự nhiên của mình luôn tìm kiếm một nền tảng tôn giáo phục vụ cho những phương thức sống xã hội [tức văn hóa-NQH] của mình và cũng từ đó văn hóa sẽ bắt đầu bị chao đảo khi nó đánh mất đi cái nền tảng tinh thần của nó (...) Cũng chả có cái lý do bắt buộc nào để có thể phủ nhận khả năng kết hợp giữa một thế giới văn minh khoa học với một tôn giáo siêu việt và mang tính phổ quát cả. Ngược lại, có một sự lựa chọn họ hàng theo lẽ thường tình giữa cái lý tưởng khoa học nhằm tổ chức và duy lý hóa cái thế giới vật chất thông qua trí tuệ của con người với cái lý tưởng tôn giáo muốn thiết lập trật tự cuộc đời con người ta dựa trên một mục đích tinh thần thông qua quy luật cao cả có cội nguồn trong cái lý trí của Thượng đế" [Christopher Dawson, 1951: 290].

Rõ ràng, quan niệm này của Dawson ở tầm cao, vượt lên trên một số quan niệm cổ điển chủ trương đối lập khoa học với tôn giáo. Tuy dù thể hiện dưới các hình thức khác nhau, dựa trên các chuẩn mực khác nhau, hơn nữa, mỗi quan hệ này còn tùy thuộc vào từng tôn giáo cũng như vùng văn hóa cụ thể, nhưng cả tôn giáo và khoa học, suy cho cùng đều là sản phẩm hoạt động của con người, đều hướng tới những giá trị nhân văn và phục vụ cho sự thịnh vượng của nhân loại. Có điều cách tiếp cận, đối tượng nghiên cứu của chúng nhiều trường hợp đối lập nhau. Quan hệ tôn giáo và khoa học là sự đan xen chằng chịt, khi thì đối kháng loại trừ, lúc thì bổ trợ lẫn nhau. Đó là quan hệ hai chiều, chứ không đơn thuần theo tỷ lệ nghịch. Sự phát triển của khoa học dẫn tới hủy hoại môi trường sống và sẽ là một tai họa cho lịch sử nhân loại nếu như sự phát triển đó thiếu sự kiểm soát. Sự phát triển của khoa học hiện đại dẫn tới sự trỗi dậy của tôn giáo và tất yếu phải thiết lập một sự tương quan mới, mối quan hệ mới giữa tôn giáo và văn hóa.

Các mẫu nghiên cứu của những tác giả lý thuyết "tôn giáo là hạt nhân của văn hóa,, đa phần là thời trung cổ khi mà tôn giáo đạt tới

đỉnh cao nhất trong việc chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng từ thời cận đại, vai trò của tôn giáo dần dần suy giảm ở hầu hết các nền văn hóa. Thường, trong cùng một vấn đề vẫn có cách cách tiếp cận khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau. Sự đối lập giữa thuyết “thế giới thoát ra khỏi tôn giáo” và thuyết “tôn giáo là hạt nhân của văn hóa,, cũng không phải là ngoại lệ. Mỗi lý thuyết trên đều có những cơ sở nhất định. Như trên đã đề cập, bản thân Peter Berger về sau cũng xem xét lại một số những nhận định của mình. Một khi tôn giáo suy yếu tới một mức nào đó thì xã hội dễ dẫn tới khủng hoảng. Thế tục hóa có giới hạn của nó, do vậy, chúng ta cũng không nên cường điệu cả vai trò của tôn giáo cũng như xu thế thế tục hóa tới mức sùng tín cái này, hạ thấp cái kia. Dawson bày tỏ sự lạc quan về tương lai và triển vọng của tôn giáo với tính cách là “hạt nhân,, của văn hóa, bởi lẽ tôn giáo chi phối đáng kể linh hồn của nhân loại. “Tôn giáo mãi mãi vẫn sẽ là một năng lực sống động của thế giới. Cho dù thật khó ước định sức mạnh của tôn giáo chi phối linh hồn và chi phối cuộc sống con người tới mức độ nào bởi vì cái năng lực này không thể dễ dàng có thể tính toán bằng các phương pháp thống kê được” [Christopher Dawson, 1951: 288].

Mối quan hệ giữa tôn giáo và đời sống cá nhân thực sự như con lắc giao động giữa hai lý thuyết hay hai thái cực trên. Tôn giáo không còn chi phối mọi lĩnh vực của đời sống cá nhân của con người hiện đại như điều này từng diễn ra cách đây mấy thế kỷ. Nhưng đời sống tinh thần của các cá nhân sẽ khủng hoảng một khi tôn giáo suy yếu, không còn đóng vai trò thiết yếu trong đời sống của họ. Điều đó cho thấy, tôn giáo vẫn giữ một vai trò đáng kể, không thể coi nhẹ hay phủ nhận trong đời sống cá nhân con người hiện nay.

## **2. Một cái nhìn đại thể về tôn giáo trong đời sống hàng ngày của người Việt**

Không chỉ hiện diện trong những sự kiện, biến cố quan trọng của vòng đời mỗi người, tôn giáo còn hiện diện như một nhu cầu của đời sống tinh thần của các cá nhân. Về điểm này, quay trở lại vấn đề đang được bàn thảo: tôn giáo có vai trò gì trong đời sống thường ngày của các cá nhân người Việt.

Thoạt nhìn, ta cũng thấy sự hiện diện của tôn giáo trong cuộc sống hàng ngày của người Việt là khá mờ nhạt. Có cảm giác không ít người hầu như cả năm chả có một hoạt động nào gọi là thực hành tôn giáo.

Những người này dường như không có nhu cầu phải đi chùa chiền để an ủi, cầu an cho bản thân hay người thân trong gia đình, thậm chí một số người còn quả quyết không tin vào những “trò mê tín dị đoan”, vô hình chung đồng nghĩa tôn giáo, tín ngưỡng với mê tín dị đoan. Phỏng vấn sâu một chút cho thấy nhận thức của không ít người, trong đó có cả những người đôi khi vẫn tham dự các lễ nghi tôn giáo về những kiến thức hiểu biết, lễ nghi tôn giáo tối thiểu của họ rất sơ sài, hầu như rất mơ hồ và cảm tính. Ngay cả không ít người có học thức, địa vị xã hội nhất định nhưng kiến thức, hiểu biết của họ về lĩnh vực này cũng khiến ta nhiều khi phải thất vọng. Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ ta cũng thấy vấn đề không hẳn như vậy. Quả thực, họ vẫn có một tâm thức tôn giáo nằm tiềm ẩn, biểu hiện ra khi có điều kiện do tác động của ngoại cảnh hoặc từ nội tâm.

Đời sống tâm linh của người Việt là một thế giới đa thần giáo hỗn độn, kể cả tới nay, thế kỷ XXI, trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, đa số người Việt vẫn tin vào thế giới bên kia của các cõi Tiên Phật và thần linh. Những cõi này không ở đâu xa lạ mà như đâu đó vẫn quần quanh ta, vô hình, có thể phù trợ hay cản trở cuộc sống của con người hàng ngày. “Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên” vẫn là câu cửa miệng của không ít người. Trong xã hội Việt Nam truyền thống thì niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên đó càng mãnh liệt. Chưa kể Thần Phật là cái gì đó to tát, kỳ vĩ và bí ẩn, nhiều hiện tượng bất thường trong cuộc sống hàng ngày cũng làm người ta liên tưởng tới thần linh như ma quỷ, những điềm báo hay, dở. Buổi sáng ra ngõ gặp đàn bà, người ta quay lại, mở hàng sớm có kẻ tới xin lửa hoặc nói những điều dở, người ta đốt vía. Dân gian vẫn quan niệm được bạc thì sang, được vàng thì độc, chim sa, cá nhảy như những hiện tượng bất thường, những điềm báo dở những tai họa có thể sắp xảy ra cho mình, v.v.<sup>5</sup>. Người Việt tin rằng, xung quanh ta mọi chỗ, mọi nơi đều có sự hiện diện của các thần linh. Đất có thổ công, sông có hà bá. Thần cây đa, ma cây gạo như dân gian vẫn quan niệm. Khó có thể thống kê số lượng các thần linh trong quan niệm của người Việt. Theo Phan Cẩm Thượng, “trong đời sống của người Việt thì trong mọi biểu hiện vật chất đều có ma quỷ thần linh trú ngụ. Trong nước, trong đất, trong cây, tất nhiên trong cả đá, sắt (kim loại nói chung) và lửa, tóm lại là ngũ hành đều có các đấng linh thiêng của nó. Nếu tốt thì được coi như thần thánh, nếu xấu được coi là ma quỷ, nhưng ngay cả ma quỷ cũng không hẳn đối tượng nào cũng ác, mà chúng chỉ như trẻ con, thích vui

đùa trêu chọc con người (...) Nam nữ đồng trinh không may chết yểu, trở thành bà cô ông mãnh cũng quấy phá hay phù trợ con người” [Phan Cẩm Thượng, 2017: 451].

Cũng cần lưu ý một thực tế là dường như điều gì không lý giải được, người ta tìm đến tôn giáo. Cuộc sống xung quanh ta, kể cả trong cái thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 này, vẫn có muôn điều bí ẩn, đánh thức cái tâm thức “có bệnh thì vái tứ phương” hay “có thờ có thiêng, có kiêng có lành”. Tôn giáo như một trong những nhu cầu của con người muốn giải thích mọi hiện tượng xung quanh ta. Không chỉ vậy, tôn giáo giúp cá nhân tìm được chốn bình an sau những công việc nặng nhọc và giảm stress trong cái cuộc sống thường nhật thời buổi kinh tế thị trường. Ngành nghề nào càng nhiều rủi ro, mạo hiểm, người ta càng tìm đến tôn giáo, như Cadiere từng quả quyết. Cho dù cái nhu cầu đó nhiều khi chỉ mang tính nhất thời, nhưng đó lại là một tâm thức phổ biến, hiện diện trong nhiều người, nhiều cộng đồng khác nhau. Sau những sự kiện nào đó bất thường thì người ta liên tưởng, xâu chuỗi các sự việc lại với nhau. Theo Cadiere, “có thể nói rằng người Việt luôn sống trong siêu nhiên. Họ thấy nơi nơi đều có ảnh hưởng của những sức mạnh thần thiêng bí ẩn đang tác động đến đời sống của mình, lành cũng như dữ. Bất cứ người Việt nào, thuộc giai tầng xã hội nào, đều dấu ấn thâm sâu trong cái siêu nhiên ấy (...) Thần ở khắp nơi; một hòn đá lớn, một cây cổ thụ, rừng sâu, vực thẳm, núi cao, ao hồ nơi đồng quanh, mỗi mảnh đất, mỗi thửa ruộng, nơi vắng vẻ tối tăm (...) đều là chốn Thần ngự. Thần đi khắp nơi, thấu suốt mọi sự, vạn vật đều thuộc về các ngài. Sự tin tưởng vào thế giới thần linh bao trùm lấy đời sống người Việt làm họ phải tế lễ, cúng dâng. Trước mỗi hành động đều phải báo xin Thần, tránh các nguồn cơn làm phật lòng ngài; nếu đang lúc hành động mà thấy Thần biểu thị sự bất bình thì phải kịp thời làm các ngài nguôi ngoai” [Cadiere Leopold, 2010: 75-76].

Có những nhóm người có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo hàng tuần, thậm chí hàng ngày. Ngoài ra, nỗi lo hay ám ảnh có ma quỷ hay thần linh khá thường trực trong tâm thức của người Việt, chỉ có thể ở nhóm người này sâu đậm hơn, còn ở nhóm người khác thì có thể nhạt hơn. Cái tâm thức tôn giáo thường xuất hiện khi có tác động nào đó từ ngoại cảnh, chẳng hạn khi người ta gặp chuyện xui xẻo nào đó trong công việc hoặc cuộc sống. Chim sa, cá nhảy, cú kêu, bất cứ một hiện tượng dị thường nào đó đều có thể gợi cho người ta về sự hiện diện

của thần linh hay một lực lượng siêu nhiên, vô hình nào đó. Không ít người vẫn có tâm thức chịu ảnh hưởng của quan niệm “thiên nhân tương cảm”, làm điều gì quan trọng thường phải tính đến ba yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” thì mới đảm bảo thành công. Những linh cảm về điềm lành, điềm dữ thường trực ở nhiều người.

Ở đây, chúng ta chưa bàn tới chuyện những linh cảm trong tâm thức đó có cơ sở khoa học hay đó là những biểu hiện của mê tín, dị đoan, mà chỉ muốn nhấn mạnh rằng việc hình thành tâm thức đó cho thấy sự hiện diện rõ ràng của tôn giáo trong cuộc sống thường ngày của cá nhân. Cái mà ta vẫn thường gọi là “linh cảm”, rồi “linh nghiệm” dường như nằm trong tâm thức không chỉ người Việt, mà cả trong nhiều nền văn hóa và tôn giáo khác nhau và đó là một trong những chỉ dấu về sự hiện diện của tôn giáo trong đời sống hàng ngày của cá nhân<sup>6</sup>. Có điều, ở người Việt cái tâm thức đó biểu hiện khá sâu đậm, trở thành một tâm thức phổ biến, gianh giới giữa tâm thức cá nhân và tâm thức của cả cộng đồng chỉ là tương đối. “Nhiều người Việt có một tôn giáo riêng tư (...). Trước hết phải thừa nhận rằng, người Việt sống, nói cho đúng là trong thế giới siêu nhiên. Nói chung, người Âu khó mà hiểu được trạng thái tâm hồn này, vì đối với họ, tôn giáo một khi chỉ còn là một số thực hành hoặc thậm chí tin tưởng, thì thường đóng khung trong một số giới hạn thời gian hoặc không gian và được họ dành cho một ít phút trong ngày sống, một phần nhỏ bé của các sinh hoạt hàng ngày. Người châu Âu, dẫu sùng đạo, thường vẫn không sống với Thượng đế của mình. Ngược lại, người Việt, dù ở giai tầng xã hội nào (...) đều cảm thấy mình tiếp xúc thường xuyên với thần thánh trong thiên nhiên (...) Người Việt thấy mọi biến cố xảy đến, biến cố may và nhất là biến cố rủi, đều biểu hiện sự can thiệp của thần thánh hay tổ tiên” [Cadière Leopold, 2010: 104-105].

Người châu Á, trong đó có người Việt, có lẽ vì những lý do lịch sử và văn hóa, có quan niệm khắt khe hơn về cơ thể, về ăn mặc hơn người phương Tây. Không giáo luôn quan niệm “nam, nữ thụ thụ bất thân” ngăn cấm quan hệ nam nữ trước và ngoài hôn nhân. Theo Nguyễn Văn Huyền, “Người Việt kính sợ một cách thánh thiện sự trần trụi. Tình cảm e thẹn đó hẳn có một nguồn gốc tôn giáo: cơ thể con người ta không lành mạnh, bởi vậy, không nên để lộ nó ra trong các quan hệ xã hội thường ngày cũng như trong các buổi lễ (...) nhất là phụ nữ thuộc âm lại càng phải rất kín đáo (...) Sự lỏa thể ở nước Việt Nam từ thời thượng cổ xa xưa đến nay, không hề có. Người ta không

bao giờ để cho người chết phải ở trường. Người ta còn kể lại chuyện thời Hùng Vương, anh thanh niên Chử Đồng Tử, sau khi bỏ chết, đã cởi cái khó duy nhất của mình để bọc kín thi hài bố, còn anh thì ngâm nửa người dưới nước ở bến đò để xin ăn. Cũng câu chuyện đó còn chỉ rõ rằng việc nhìn thấy cơ thể trần trụi của ai đây là sự khởi đầu của tình dục” [Nguyễn Văn Huyền, 2017: 105]<sup>7</sup>. Đây cũng là khởi đầu về câu chuyện chàng thanh niên Chử Đồng Tử gặp công chúa Tiên Dung và hai người về sau trở thành vợ chồng.

Tại sao Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, nói cách khác, tại sao người Việt hàng ngày có niềm tin vào vô số các vị thần linh? Người ta có nhiều cách lý giải điều này, chẳng hạn, do sự đa dạng của các tôn giáo ngoại lai du nhập vào nước này, chẳng hạn, ngay từ thời Bắc thuộc đã có tới không phải một, mà là ba tôn giáo ngoại lai (Nho-Phật-Đạo) du nhập vào Việt Nam. Đồng nghĩa với việc ngay từ thời sơ sử nước Việt Nam đã tồn tại đa tôn giáo rồi. Rồi sau này, ở thời cận đại, người châu Âu khi buôn bán với Việt Nam, cũng chủ động truyền bá Kitô giáo ở quốc gia này. Người Việt, trên thực tế, luôn bị đặt ở thế bị động khi tiếp nhận sự du nhập của các tôn giáo ngoại lai vào Việt Nam. Nhưng đó chỉ là một khía cạnh của vấn đề.

Vấn đề còn là ở chỗ người Việt, ngay từ thời tiền sử, chưa bao giờ thỏa mãn với riêng một tôn giáo nào cả. Tồn tại bao hình thức tôn giáo nguyên thủy ở xứ này và các tôn giáo, tín ngưỡng nguyên thủy này vẫn tiếp tục hiện hữu rất sâu đậm cả những giai đoạn lịch sử sau này. Chưa bao giờ trong lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc này ngụt trị duy nhất một tôn giáo cả. Chẳng hạn, riêng việc lụt lội hay hạn hán, những thiên tai, người ta đều tìm kiếm nhiều phương cách để vượt qua thông qua niềm tin, cầu cúng. Thời nhà Lý tuy đặt dưới sự bảo trợ của Đức Phật, nhưng nhiều khi trong nước hạn hán, các vua Lý tổ chức các lễ cầu xin thần linh giúp đỡ. Người ta cầu ở các chùa chiền, đền thờ mong được che chở bởi các thần núi, thần sông được coi là những thần linh có quyền lực làm mây làm gió, làm mưa. Đến triều Trần, thì những khi hạn hán, lụt lội, triều đình cho thả các tù nhân, giảm thuế cho dân, giảm nhẹ các hình phạt, với một niềm tin rằng những thiên tai đó là do các Đấng thần linh nổi giận, do vậy, phải tìm cách để các Ngài nguôi ngoai [Nguyễn Văn Huyền, 2017: 122-123]. Điều này tiếp tục thực hiện ở các triều đại nhà Lê và nhà Nguyễn sau này. Người ta đều có niềm tin các thiên tai, dịch họa như một sự trừng phạt của đất trời đối với những khiếm khuyết nào đó do con người gây ra.

Trong tất cả trường hợp đó, cho thấy triều đình không chỉ dựa vào riêng Phật giáo hay Khổng giáo, mà cả những tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, bản địa. Điều đó cũng cho thấy cái tính thực dụng mang tính truyền thống trong niềm tin tôn giáo của người Việt. Người ta không cầu nệ riêng một vị thần linh nào, miễn là đáp ứng được nhu cầu an bình, vượt qua khó khăn của họ trong cuộc sống hàng ngày. Tự chung, “cầu khẩn thần linh, ân xá tù nhân, miễn giảm thuế khóa, các vị vua, thủ lĩnh tối cao và duy nhất của đất nước, tự mình nhận tội, đó là những phương pháp khác nhau đã được dùng để cứu vớt mùa màng khỏi hạn hán kéo dài” [Nguyễn Văn Huyền, 2017: 126]. Đó là ở quy mô quốc gia.

Ở cấp địa phương thì dân gian cũng có nhiều phương cách khác nhau mỗi khi phải đối diện với những thiên tai và điều này vô cùng đa dạng, tùy thuộc vào từng vùng miền [Nguyễn Văn Huyền, 2017: 126-164]. Mỗi khi gặp hạn hán, dân gian vẫn có bài cúng: “Lạy trời mưa xuống. Lấy nước tôi uống. Lấy ruộng tôi cày. Lấy đầy bát com. Lấy rom đun bép. Lấy nếp bánh chưng ...”. Rõ ràng ở đây có sự khác biệt không nhỏ so với tâm thức Trung Hoa. Trong khi trong văn hóa Trung Hoa, ông Trời là một Đấng siêu nhiên cao vòi vọi và cũng đầy tính uy nghiêm, kẻ bề dưới không được phép phạm thượng, thì ông Trời trong dân gian Việt Nam vừa cao xa, nhưng cũng vừa gần gũi, đôi khi cũng bị các lực lượng trần thế lấn át. Chẳng hạn “Con Cóc là cậu ông Trời”, hay hình tượng con cóc khá phổ biến ở nhiều trống đồng. Rồi “nhất vợ nhì Trời” một dạng “dân gian” của thời hiện đại. Tâm thức đa thần giáo nằm trong bản chất cố hữu của người Việt. Với niềm tin “đất có thổ công, sông có hà bá” thật khó có thể thống kê, định lượng các vị thần linh trong tâm thức của người Việt.

Nhưng niềm tin vào các thần linh đó luôn là một trong những động lực cơ bản trong các hành vi thường ngày của các cá nhân. Đúng như nhận xét của L. Cadriere, “Tôn giáo người Việt, ở đây nên dùng số ít, cho ta cái cảm giác y như khi lạc vào núi rừng Trường Sơn: đây đó những đại thụ khổng lồ, rễ đâm tới đâu nào ai biết được, trên chúng là cả một vòm lá phủ tràn bóng mát; những cành cây sà xuống mặt đất, lại rễ đâm chằng chịt; dây leo tứ bề bò từ cây này sang cây khác, chẳng biết gốc rễ là đâu, và cứ thế mãi như vô tận chẳng bao giờ dứt (...) Cũng vậy, nơi người Việt, ở các giai tầng xã hội, tâm thức tôn giáo thể hiện một cách mãnh liệt và chế ngự toàn thể cuộc sống con người. Tâm thức ấy, trong mỗi hành vi thường nhật, trọng đại hay nhỏ

bé, kết thành một mạng lưới chằng chịt qua các biểu hiện thực hành, khi thì hoành tráng lễ nghi ở đền đài miếu vũ công khai, khi thì âm thầm nhẹ nhàng giây lát bên gốc cây, hòn đá” [Cadiere L, 2010: 19].

Trong số các vị thần linh mà người Việt tôn thờ có không ít các vị có xuất thân từ Đạo giáo Trung Hoa. Khi nói về việc thờ cúng thần tiên ở Việt Nam, chúng ta không phủ nhận, hạ thấp vị trí của Đạo giáo trong tâm thức người Việt, nhưng khi du nhập vào Việt Nam thì việc thờ cúng này đã bị Việt hóa, bản địa hóa rõ nét, không còn nguyên mẫu Đạo giáo như ở Trung Hoa nữa. Trong ba tôn giáo mà người Việt tiếp nhận từ Trung Hoa và Ấn Độ thì Đạo giáo là tôn giáo có sự khoan dung nhất, do vậy cũng bị bản địa hóa, Việt Nam hóa rõ nét nhất, tới mức ít người Việt còn biết gốc gác của nhiều tập tục Đạo giáo. Vì vậy, so với Khổng giáo và Phật giáo thì Đạo giáo dường như có vẻ mờ nhạt hơn hẳn, nhiều khi biểu hiện dưới các bình phong tại những ngôi chùa. “Mặc dù sự thờ cúng các vị bất tử có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng những thần tiên mà cuộc sống trần tục được kể tại đây, với các đền thờ được mô tả cùng với những nghi lễ bói toán tại các đền này, là những vị thần tiên thuần túy Việt Nam. Có thể nói, đó là những vị thánh của dân tộc mà truyền thuyết đẹp rực rỡ là một bộ phận không thể tách rời trong di sản tôn giáo và tinh thần của đất nước” [Nguyễn Văn Huyền, 2017: 278].

Thực tế cho thấy, ngay từ buổi bình minh của lịch sử dân tộc mình, người Việt đã phải trải qua giai đoạn “ngàn năm Bắc thuộc”, tạo ra đặc thù trong tâm thức của người Việt là không thể thiếu các thành tố văn hóa ngoại lai, nhưng qua đó cũng thể hiện rõ cái sức mạnh bản địa hóa/Việt hóa quật cường của mình trong đời sống tôn giáo thường nhật. Sự dung thông, bản địa hóa các tín ngưỡng, tôn giáo ngoại lai, buộc các tôn giáo, tín ngưỡng ngoại lai khi du nhập, để có thể bám rễ vào khu vực này phải tuân thủ quy tắc “nhập gia tùy tục”, bằng không thì khó có thể trụ được ở mảnh đất này một cách lâu dài. Sự dung thông, pha trộn tới mức bản thân người Việt không dễ minh định nguồn gốc hay xuất xứ của chính những niềm tin chi phối họ trong cuộc sống thường nhật.

### **Kết luận**

Con người hiện đại, quả đúng là có nhiều mối quan tâm hơn, dành ít thời gian cho các sinh hoạt tôn giáo hơn so với các thế hệ cha ông của họ, nhưng không vì thế mà có thể hạ thấp vai trò của tôn giáo, tín

ngưỡng trong cuộc sống hàng ngày. Xã hội hiện tại cũng như đời sống cá nhân chứa đựng nghịch lý cho phép tồn tại đồng thời nhiều lý thuyết khác biệt nhau, thậm chí đối lập nhau. Trường hợp các lý thuyết “tôn giáo là hạt nhân của văn hóa” cũng như thế giới thoát ra khỏi tôn giáo cũng không phải là ngoại lệ. Con người hiện đại trong các sinh hoạt tôn giáo của mình tựa như con lắc dao động giữa hai thái cực mà hai lý thuyết trên đây đã đề cập tới và đó dường như là logic của cuộc sống, logic của đời sống tôn giáo hiện nay.

Phân tích trên cho thấy rằng, sự phai nhạt tôn giáo của người Việt chỉ là hình thức biểu hiện bề ngoài. Trong bối cảnh đô thị hóa cũng như thế tục hóa hiện nay, cái hình thức bề ngoài đó càng thể hiện rõ khi ta thấy không ít người ít mặn mà với các sinh hoạt tôn giáo. Còn thực tế cho ta một bức tranh rằng, người Việt trong cuộc sống thường nhật của mình không thể sống thiếu tín ngưỡng, tôn giáo./.

---

### CHÚ THÍCH:

- 1 Vì là các tổ chức của bên Giáo hội, sinh hoạt cùng với những người đồng đạo, nên các tổ chức đoàn thể của Giáo hội lôi cuốn nhiều người Kitô hữu tham gia. Từ đó, những người Kitô hữu không còn thời gian và nhu cầu để tham gia sinh hoạt các tổ chức đoàn thể bên chính quyền.
- 2 Ở đây, có sự bất cập giữa niềm tin tôn giáo và vấn đề môi trường. Tình trạng quá nhiều người cùng đổ về tắm ở sông Hằng cũng như hoạt động của các cơ sở công nghiệp dọc theo bờ sông đang làm cho con sông này bị ô nhiễm nặng nề.
- 3 Xem: Chủ nghĩa vô thần. Trong: <https://www.britannica.com/topic/atheism/Atheism-and-metaphysical-beliefs>. Chẳng hạn ở Mỹ và châu Âu con số người tự nhận là vô thần hay không tin vào Chúa ở thời điểm hiện tại tăng hơn những năm 1990. Số người thường xuyên đi lễ tại các nhà thờ cũng giảm hơn so với cách đây vài thập niên.
- 4 Xem: Berger, Peter L. (1979). *Mệnh lệnh dị giáo: khả năng khẳng định tôn giáo đương đại* (ấn bản 1); Garden City, NY: Anchor Press. Peter Berger là tác giả của một số công trình nổi tiếng như: *The Social Construction of Reality: A Treatise in the Sociology of Knowledge* (1966) with Thomas Luckmann; *The Sacred Canopy: Elements of a Sociological Theory of Religion* (1967); *A Rumor of Angels: Modern Society and the Rediscovery of the Supernatural* (1969); *Facing Possibilities of Religious Affirmation* (1979); *The Other Side of God: A Polarity in World Religions* (editor, 1981); *The Capitalist Spirit: Toward a Religious Ethic of Wealth Creation* (editor, 1990) và nhiều công trình khác, trong đó, một số công trình của ông cũng đã được dịch sang tiếng Việt.

- 5 Trong thời kỳ chiến tranh, trước khi ra trận, những người lính thường kiêng như ăn phải cơm khô, những điều nói gở như những điềm báo xấu. Người lính cũng rất kiêng không mang theo vàng bên mình, tin rằng như thế sẽ dễ bị tử trận.
- 6 Sự kiện thủ lĩnh tổ chức Hồi giáo Hamas Ismail Haniyeh bị ám sát hôm 31/7/2024 ở Teheran bị ám sát nhân dịp ông này tham dự lễ nhậm chức của tổng thống Iran gây chấn động không chỉ ở Trung Đông mà cả trong cộng đồng quốc tế. Phải chăng việc ông nói về cái sống và cái chết trong lần xuất hiện cuối cùng như một điềm báo? Chỉ vài giờ trước khi bị ám sát, trong cuộc gặp với lãnh tụ tối cao Iran Ali Khamenei, vị thủ lĩnh Hamas có trích dẫn câu kinh Q'um ran về cái sống và cái chết. "Thượng đế Allah là người ban sự sống và gây ra cái chết. Và Thượng đế Allah biết hết mọi hành động... Nếu một thủ lĩnh ra đi, một thủ lĩnh khác sẽ xuất hiện". Điềm báo bất thường trong những lời nói cuối cùng của thủ lĩnh Hamas. Báo Dân trí, ngày 3/8/2024. <https://dantri.com.vn/the-gioi/diem-bao-bat-thuong-trong-loi-cuoi-cua-thu-linh-hamas-truoc-vu-am-sat-20240803061634123.htm>.
- 7 Quan niệm này có điểm giống với quan niệm của người châu Âu thời trung cổ, một mặt, hạ thấp con người trước thần linh, mặt khác, khi nói tới con người chủ yếu nhấn mạnh tới vai trò của linh hồn con người (trí tuệ, phẩm hạnh), hạ thấp vai trò của thân xác. Thậm chí, ở thời kỳ đầu còn phổ biến quan niệm coi thân xác như là “nấm mồ” trói buộc linh hồn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (1990), *Nếp cũ. Tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp, tp. Hồ Chí Minh
2. Berger P. và Thomas Luckmann (2015), *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức*, Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật và chú giải, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
3. Berger L. Peter (2016), *Lời mời đến với xã hội học. Một góc nhìn nhân văn*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
4. Phan Kế Bính (1915, tái bản 1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Đồng Tháp
5. Cadière Leopold (xuất bản lần đầu tiên 1955, 2010), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, tập 1, người dịch Đỗ Trinh Huệ, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
6. Cadière Leopold (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, người dịch Đỗ Trinh Huệ, Nxb. Thuận Hóa, Huế, t.3.
7. “Chủ nghĩa vô thần”, trong: <https://www.britannica.com/topic/atheism/Atheism-and-metaphysical-beliefs>, ngày truy cập 15/10/2024.
8. Dawson Christopher, *Religion und Kultur*, Verlag L. Schwann, Düsseldorf, 1951.

9. Nguyễn Văn Huyền (2017), *Hội hè lễ tết của người Việt*, Đỗ Trọng Quang-Trần Đình dịch, Nxb. Thế giới, Nhà Nam, Hà Nội.
10. Nguyễn Quang Hưng (2016), *Tôn giáo và văn hóa: Lý thuyết cơ bản và giải pháp khai thác các giá trị văn hóa tôn giáo phục vụ phát triển bền vững*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
11. Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người. Văn hóa, tập tục của người nông dân Việt Nam thế kỷ 19-20*, Nxb. Khoa học Xã hội.

## **Abstract**

### **RELIGION IN THE EVERYDAY LIFE OF THE INDIVIDUAL**

**Nguyen Quang Hung**

*University of Social Sciences and Humanities  
Hanoi - Vietnam National University*

Today, religious pluralism has become an increasingly unavoidable trend in the context of globalization. While historically, people were more devout and reliant on religion; arguably, ancient people needed religion more than modern individuals; religion remains indispensable in both past and present personal and communal life. The connection between religion and individual life is reflected in its presence during life-cycle events, daily activities, and in the development of personal character. This article aims to clarify the role of religion in the everyday lives of Vietnamese people, who traditionally possess a polytheistic mindset. Particularly notable is the syncretism of Confucianism, Buddhism, and local religions, which permeates daily life across various aspects such as age, profession, gender, and more.

**Keywords:** religious life, everyday life, individual life, Vietnamese